CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 215/2025/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2025*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23 tháng 11 năm 2024 (sau đây gọi là Luật Di sản văn hóa), bao gồm: Khoản 3 Điều 14, khoản 5 Điều 17, khoản 6 Điều 25, khoản 4 Điều 39, điểm h khoản 1 Điều 83.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức, cộng đồng, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị các loại hình di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể (sau đây gọi là Danh mục của quốc gia) và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nhận diện di sản văn hóa phi vật thể là hoạt động xác định tên gọi, loại hình, chủ thể, không gian, thời gian, sức sống, hiện trạng, đặc điểm, giá trị của di sản và các yếu tố tác động tới di sản văn hóa phi vật thể.

2. Tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể là hoạt động ghi, thu lại di sản văn hóa phi vật thể ở tình trạng hiện tại trong trạng thái khác nhau và thu thập các tài liệu liên quan nhằm mục đích xây dựng cơ sở dữ liệu di sản văn hóa phi vật thể phục vụ lưu giữ lâu dài, tra cứu, phục hồi, giới thiệu, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

3. Thực hành di sản văn hóa phi vật thể là hoạt động thể hiện các biểu đạt văn hóa của cộng đồng, nhóm, cá nhân chủ thể nhằm duy trì sức sống, bảo đảm tính liên tục của di sản văn hóa phi vật thể, nội dung, quy trình thực hành, các yếu tố cấu thành, nguyên tắc, bản chất tự nhiên và giá trị của loại hình di sản văn hóa phi vật thể.

4. Biểu đạt của di sản văn hóa phi vật thể là những biểu hiện cụ thể bằng ngôn ngữ, hành động, cử chỉ, sản phẩm, được cộng đồng, nhóm hoặc cá nhân tạo ra trong quá trình thực hành nhằm truyền tải nội dung, thông tin, ý nghĩa, giá trị của di sản văn hóa phi vật thể.

5. Truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể là hoạt động của nghệ nhân, người thực hành gồm hướng dẫn, truyền đạt, chỉ bảo cho thế hệ kế cận những kỹ năng, kỹ thuật, tri thức, biểu đạt văn hóa và nội dung liên quan đến di sản văn hóa phi vật thể của họ thông qua thực hành hoặc đào tạo có chủ đích.

6. Tính liên tục của di sản văn hóa phi vật thể là trạng thái di sản văn hóa phi vật thể được thường xuyên thực hành, sáng tạo, lưu truyền và tái tạo bởi cộng đồng, nhóm hoặc cá nhân chủ thể di sản đó.

7. Sức sống của di sản văn hóa phi vật thể là khả năng để di sản tiếp tục tồn tại và trao truyền trong cộng đồng chủ thể với đầy đủ các yếu tố cấu thành, quy trình thực hành, nội dung, bản chất tự nhiên và giá trị của di sản văn hóa phi vật thể.

8. Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể là hoạt động thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm sức sống của di sản văn hóa phi vật thể, bao gồm việc kiểm kê, nhận diện, tư liệu hóa, nghiên cứu, gìn giữ, phát huy, thực hành, truyền dạy, giáo dục trong hoặc ngoài nhà trường, cơ sở giáo dục cũng như việc phục hồi các khía cạnh khác nhau của di sản.

9. Phục hồi di sản văn hóa phi vật thể là hoạt động dựa trên bản chất tự nhiên và giá trị của di sản nhằm tái tạo, củng cố các thực hành, giữ gìn các yếu tố, biểu đạt của di sản đang bị biến đổi hoặc đe dọa biến mất cần được bảo vệ để di sản văn hóa phi vật thể tồn tại lâu dài và phát triển.

10. Giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới là sự biểu hiện những ý nghĩa văn hóa và thiên nhiên đặc biệt của di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, có tầm quan trọng quốc gia và quốc tế đối với các thế hệ hiện tại và tương lai.

11. Tuyên bố giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới là sự khẳng định của Ủy ban Di sản thế giới về giá trị, tiêu chí, tính toàn vẹn, tính xác thực và việc quản lý, bảo vệ bền vững di sản mà nhờ đó được ghi vào Danh mục Di sản thế giới.

12. Tính toàn vẹn của di sản thế giới là sự biểu hiện một cách đầy đủ các yếu tố gốc cấu thành giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới.

13. Tính xác thực của di sản thế giới là sự biểu hiện một cách trung thực và đáng tin cậy của yếu tố gốc tạo nên giá trị nổi bật toàn cầu về văn hóa của di sản thế giới, giúp nhận biết được bản chất, đặc tính, ý nghĩa và lịch sử của di sản thế giới đó.

14. Kế hoạch quản lý di sản thế giới là văn bản tổng hợp các biện pháp bảo tồn giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới, bao gồm cả việc phân công trách nhiệm cụ thể đến mọi đối tượng liên quan tới việc thực hiện các biện pháp bảo tồn đó.

15. Quy chế bảo vệ di sản thế giới là văn bản chi tiết hóa các quy định pháp lý trong quản lý di sản thế giới và bảo vệ giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới; trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác quản lý, bảo vệ di sản thế giới nhằm giúp các tổ chức, cá nhân thực hiện mọi hoạt động trong khu vực di sản thế giới một cách thuận lợi nhất.

16. Di sản văn hóa dưới nước là di sản văn hóa vật thể đang ở dưới nước có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học bao gồm: các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; các di tích, công trình xây dựng, địa điểm; di tích cổ nhân, cổ sinh vật có liên quan đến nguồn gốc của loài người, đã được con người sử dụng cùng với hiện trường tự nhiên và khảo cổ học xung quanh chúng. Các đường ống, cống ngầm, cáp đặt, các thiết bị và công trình ngầm khác đang được sử dụng phục vụ cho đời sống của con người đặt ở dưới nước không được coi là di sản văn hóa dưới nước.

17. Các Danh sách của UNESCO về di sản văn hóa phi vật thể (sau đây gọi là các Danh sách của UNESCO) được quy định trong Công ước 2003 của UNESCO

về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể (sau đây gọi là Công ước 2003) gồm: Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (sau đây gọi là Danh sách đại diện), Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp (sau đây gọi là Danh sách cần bảo vệ khẩn cấp), Đăng ký những thực hành bảo vệ tốt (sau đây gọi là Thực hành tốt).

Chương II
QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ TRONG CÁC DANH SÁCH CỦA UNESCO VÀ DANH MỤC QUỐC GIA VỀ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ

Điều 4. Nguyên tắc trong thực hành di sản văn hóa phi vật thể

1. Chủ thể di sản văn hóa phi vật thể có trách nhiệm bảo đảm duy trì tính liên tục của di sản văn hóa phi vật thể trong thực hành di sản văn hóa phi vật thể đúng với giá trị, bản chất và chức năng của di sản; giảm nguy cơ mai một, thất truyền.

2. Bảo đảm gìn giữ giá trị của di sản với các hình thức thể hiện, tri thức, kỹ năng, kỹ thuật và không gian thực hành liên quan; không đưa những yếu tố không phù hợp vào di sản.

3. Bảo đảm bao quát quy trình thực hành, nội dung, hoạt động, các yếu tố cấu thành của di sản với sự tham gia của cộng đồng chủ thể vào thực hành di sản.

4. Không phổ biến và thực hành sai lệch nội dung di sản.

5. Không lợi dụng thực hành di sản để trục lợi hoặc thực hiện các hành vi, hoạt động vi phạm pháp luật.

6. Bảo đảm các di sản văn hóa phi vật thể được thực hành hướng con người, cộng đồng tới các giá trị văn hóa tốt đẹp hướng tới sự phát triển xã hội toàn diện; gìn giữ bản sắc; bảo đảm an toàn cộng đồng và xã hội; bảo vệ môi trường.

7. Bảo đảm tôn trọng sự đa dạng các biểu đạt văn hóa, vai trò của cộng đồng chủ thể và tính đặc thù dân tộc, vùng miền. Di sản văn hóa phi vật thể của các cộng đồng khác nhau đều được tôn trọng như nhau.

8. Bảo đảm tôn trọng và bảo vệ giá trị tôn giáo, tín ngưỡng, tập quán, tính thiêng của nghi lễ và không gian thực hành của di sản văn hóa phi vật thể.

9. Bảo đảm quyền thực hành di sản văn hóa phi vật thể của cộng đồng chủ thể.

10. Ưu tiên quyền quyết định của chủ thể di sản văn hóa phi vật thể đối với việc thực hành di sản văn hóa phi vật thể vì sự tồn tại lâu dài, tính liên tục, toàn vẹn của di sản văn hóa phi vật thể.

Điều 5. Thực hành, tổ chức truyền dạy của chủ thể di sản văn hóa phi vật thể

1. Chủ thể của di sản văn hóa phi vật thể có trách nhiệm duy trì hoạt động truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể trong và ngoài cộng đồng nhằm củng cố số lượng, chất lượng thực hành di sản văn hóa phi vật thể của nghệ nhân, người thực hành.

2. Các hình thức truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể gồm:

a) Nghệ nhân, người thực hành truyền dạy tri thức, kỹ năng và biểu đạt văn hóa cho thế hệ kế cận trong cộng đồng chủ thể thông qua thực hành di sản văn hóa phi vật thể;

b) Nghệ nhân, người thực hành truyền dạy tri thức, kỹ năng và biểu đạt văn hóa cho cộng đồng khác thông qua đào tạo có chủ đích.

3. Chính quyền địa phương các cấp, các cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng có trách nhiệm tạo điều kiện hỗ trợ và bảo đảm điều kiện cho hoạt động truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO, Danh mục của quốc gia và di sản có nguy cơ mai một, thất truyền.

Điều 6. Nghiên cứu di sản văn hóa phi vật thể

1. Các cơ quan, tổ chức có chức năng, chuyên môn thực hiện nghiên cứu về di sản văn hóa phi vật thể, các cá nhân thực hiện việc nghiên cứu di sản văn hóa phi vật thể theo quy định tại Điều 16 Luật Di sản văn hóa phải được sự đồng thuận của chủ thể di sản và tuân thủ nguyên tắc trong thực hành di sản văn hóa phi vật thể quy định tại Điều 4 Nghị định này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nghiên cứu của mình.

2. Nghiên cứu các loại hình di sản văn hóa phi vật thể theo quy định tại Điều 10 Luật Di sản văn hóa gồm các nội dung: nghiên cứu, nhận diện về các biểu đạt, giá trị, chủ thể, hiện trạng, quá trình trao truyền, thực hành, sáng tạo, tái sáng tạo, chức năng xã hội, yếu tố tác động, biện pháp bảo vệ và các nội dung khác nhằm làm sâu sắc hơn về di sản và về việc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản trong đời sống.

3. Các cơ quan, tổ chức nghiên cứu di sản văn hóa phi vật thể quy định tại khoản 1 Điều này phải có sản phẩm nghiên cứu cụ thể, được nghiệm thu theo quy định; số hóa và gửi kết quả nghiên cứu tới cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh để cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa; thông báo công khai với chủ thể di sản văn hóa phi vật thể.

4. Sản phẩm và báo cáo nghiên cứu về di sản văn hóa phi vật thể do cá nhân thực hiện phải được số hóa và gửi tới cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh để cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa; thông báo công khai với chủ thể di sản văn hóa phi vật thể.

Điều 7. Tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể

1. Các cơ quan, tổ chức có chức năng, chuyên môn thực hiện tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể, các cá nhân thực hiện việc tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể theo quy định tại Điều 16 Luật Di sản văn hóa phải được sự đồng thuận của chủ thể di sản và tuân thủ nguyên tắc trong thực hành di sản văn hóa phi vật thể quy định tại Điều 4 Nghị định này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc tư liệu hóa của mình.

2. Nội dung tư liệu hóa về di sản văn hóa phi vật thể gồm: các bài bản, biểu đạt và thực hành, những thông tin về chủ thể của di sản văn hóa phi vật thể, tài liệu, hiện vật, không gian văn hóa liên quan và những thông tin khác về di sản văn hóa phi vật thể.

3. Mục tiêu của việc tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể nhằm bảo vệ, tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá, trưng bày, triển lãm, giáo dục, lưu giữ lâu dài và phục hồi di sản.

4. Hình thức tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể gồm: ghi chép trên giấy, ghi âm, ghi hình, chụp ảnh, số hóa hoặc các hình thức khác.

5. Sản phẩm và báo cáo về tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể do các cơ quan, tổ chức thực hiện phải được nghiệm thu theo quy định; số hóa và gửi tới cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh để cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa; thông báo công khai với chủ thể di sản văn hóa phi vật thể.

6. Sản phẩm và báo cáo về tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể do cá nhân thực hiện phải được số hóa và gửi tới cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh để cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa; thông báo công khai với chủ thể di sản văn hóa phi vật thể.

Điều 8. Tổ chức liên hoan, giới thiệu về di sản văn hóa phi vật thể đã được kiểm kê và ghi danh

1. Liên hoan di sản văn hóa phi vật thể (sau đây gọi là Liên hoan) là hoạt động bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể đã được kiểm kê và ghi danh, bao gồm: tổ chức

thực hành, trình diễn của cộng đồng chủ thể; trưng bày, giới thiệu, tuyên truyền, nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng, giáo dục, quảng bá về di sản văn hóa phi vật thể.

2. Liên hoan được tổ chức theo quy mô và định kỳ như sau:

a) Liên hoan tất cả các loại hình di sản văn hóa phi vật thể do Cơ quan tham mưu, quản lý nhà nước về di sản văn hóa ở trung ương thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức ở quy mô quốc gia, quốc tế tại Việt Nam theo định kỳ 03 năm một lần;

b) Liên hoan từng loại hình di sản văn hóa phi vật thể quy mô quốc gia ở trong nước do Cơ quan tham mưu, quản lý nhà nước về di sản văn hóa ở trung ương thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức theo định kỳ 01 năm một lần;

c) Liên hoan di sản văn hóa phi vật thể có phạm vi 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) có di sản đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định khi có sự thống nhất của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn lại để tổ chức luân phiên 02 năm một lần;

d) Liên hoan một hoặc nhiều di sản văn hóa phi vật thể trong phạm vi 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức.

3. Thẩm quyền trình tự, thủ tục, hồ sơ tổ chức Liên hoan:

a) Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định việc tổ chức Liên hoan quy mô quốc gia và quốc tế ở trong nước và nước ngoài; quyết định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì tổ chức Liên hoan quy mô từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc tổ chức Liên hoan trên địa bàn;

b) Trình tự, thủ tục, hồ sơ tổ chức liên hoan ở quy mô quốc gia, quốc tế theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này thực hiện như sau:

Cơ quan tham mưu, quản lý nhà nước về di sản văn hóa ở trung ương trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 01 bộ hồ sơ gồm tờ trình và kế hoạch tổ chức Liên hoan;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành quyết định và kế hoạch tổ chức liên hoan;

c) Trình tự, thủ tục, hồ sơ tổ chức liên hoan ở phạm vi 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này thực hiện như sau:

Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 01 bộ hồ sơ gồm tờ trình và kế hoạch tổ chức liên hoan;

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả lại hồ sơ;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến bằng văn bản về việc tổ chức liên hoan;

d) Trình tự, thủ tục, hồ sơ tổ chức liên hoan 01 hoặc nhiều di sản văn hoá trong phạm vi 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều này thực hiện như sau:

Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 01 bộ hồ sơ gồm tờ trình và kế hoạch tổ chức liên hoan;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định giao nhiệm vụ và kế hoạch tổ chức liên hoan.

4. Trưng bày, giới thiệu về di sản văn hóa phi vật thể được tổ chức như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện trưng bày, giới thiệu về di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn;

b) Cơ quan tham mưu, quản lý nhà nước về di sản văn hóa ở trung ương chủ trì, phối hợp thực hiện trưng bày, giới thiệu về di sản văn hóa phi vật thể quy mô quốc gia, quốc tế tại Việt Nam;

Cơ quan tham mưu, quản lý nhà nước về di sản văn hóa ở trung ương tham mưu Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch việc trưng bày, giới thiệu về di sản văn hóa phi vật thể ở nước ngoài;

c) Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến về việc trưng bày, giới thiệu về di sản văn hóa phi vật thể quy mô quốc gia, quốc tế tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Trình tự, thủ tục, hồ sơ tổ chức trưng bày, giới thiệu về di sản văn hóa phi vật thể theo quy định tại điểm a khoản này thực hiện như sau:

Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 01 bộ hồ sơ gồm tờ trình và kế hoạch tổ chức trưng bày, giới thiệu về di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định và kế hoạch tổ chức trưng bày, giới thiệu về di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn;

đ) Trình tự, thủ tục, hồ sơ tổ chức trưng bày, giới thiệu về di sản văn hóa phi vật thể quy mô quốc gia, quốc tế tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quy định tại điểm b khoản này thực hiện như sau:

Cơ quan tham mưu, quản lý nhà nước về di sản văn hóa ở trung ương gửi trực tuyến tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 01 bộ hồ sơ gồm tờ trình và kế hoạch tổ chức trưng bày, giới thiệu về di sản văn hóa phi vật thể quy mô quốc gia, quốc tế tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành quyết định và kế hoạch tổ chức trưng bày, giới thiệu về di sản văn hóa phi vật thể quy mô quốc gia, quốc tế tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài;

e) Trình tự, thủ tục, hồ sơ tổ chức trưng bày, giới thiệu về di sản văn hóa phi vật thể quy mô quốc gia, quốc tế tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quy định tại điểm c khoản này thực hiện như sau:

Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện để xin ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 01 bộ hồ sơ gồm tờ trình và kế hoạch tổ chức trưng bày, giới thiệu về di sản văn hóa phi vật thể quy mô quốc gia, quốc tế tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ; nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn nêu trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả lại hồ sơ;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến bằng văn bản về việc tổ chức trưng bày, giới thiệu về di sản văn hóa phi vật thể quy mô quốc gia, quốc tế tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 9. Phục hồi di sản văn hóa phi vật thể

1. Nhiệm vụ phục hồi gồm: phục hồi các biểu đạt, truyền thống, thực hành, đồ vật, không gian thực hành và môi trường liên quan của di sản văn hóa phi vật thể.

2. Việc phục hồi di sản văn hóa phi vật thể phải bảo đảm nguyên tắc theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa và các quy định sau đây:

a) Có sự tham gia, đồng thuận rộng rãi của chủ thể di sản và cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh;

b) Tư liệu hóa quá trình phục hồi di sản;

c) Gửi báo cáo kết quả, sản phẩm tư liệu hóa cho cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh và đưa vào cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa.

3. Căn cứ vào kết quả thực hiện đề án, nhiệm vụ phục hồi di sản được phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí nguồn lực bảo đảm di sản được duy trì thực hành và phát huy trong đời sống.

Điều 10. Đề án quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể

1. Việc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản phải được lập thành đề án trình cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

2. Các loại đề án theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này, gồm:

a) Đề án quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị một hoặc nhiều di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO;

b) Đề án quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị một hoặc nhiều di sản văn hóa phi vật thể trong Danh mục của quốc gia;

c) Đề án bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ mai một, thất truyền, cần bảo vệ khẩn cấp.

3. Nội dung cơ bản của đề án gồm:

a) Sự cần thiết xây dựng đề án;

b) Quy định pháp lý trong nước và quốc tế có liên quan đến việc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản;

c) Mô tả về một hoặc nhiều di sản thuộc phạm vi, đối tượng của đề án; cá nhân, cộng đồng chủ thể di sản; giá trị của di sản;

d) Hiện trạng thực hành, quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản;

đ) Các vấn đề, yếu tố, nguy cơ tác động tới thực hành, quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản;

e) Đề xuất các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị;

g) Phân tích, đánh giá tác động của đề án đến hiện trạng thực hành di sản văn hóa phi vật thể;

h) Nội dung, nhiệm vụ chủ yếu, hoạt động triển khai;

i) Lộ trình, thời gian triển khai;

k) Kinh phí triển khai; tên, nội dung các dự án thành phần (nếu có);

l) Trách nhiệm (của cơ quan, tổ chức, cá nhân) tổ chức thực hiện.

Điều 11. Trình tự, thủ tục, hồ sơ, thẩm quyền xây dựng, thẩm định và thẩm quyền phê duyệt đề án quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể

1. Thẩm quyền xây dựng và thẩm định, phê duyệt đề án:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh xây dựng đề án quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, đề nghị Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch lịch thẩm định;

b) Đối với đề án quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể phân bố trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì giao cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh phối hợp với cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có di sản xây dựng đề án. Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì xây dựng gửi đề án tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để đề nghị thẩm định. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có di sản thống nhất phê duyệt đề án sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

c) Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đề án quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Trình tự, thủ tục thẩm định đề án quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể:

a) Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều này tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tỉnh nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan;

Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu sửa đổi, bổ sung, cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh phải gửi hồ sơ sửa đổi, bổ sung và văn bản tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Hết thời hạn trên mà hồ sơ không được sửa đổi, bổ sung, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản trả lại hồ sơ;

c) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định đề án và có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Trình tự thủ tục phê duyệt đề án án quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể:

a) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh hoàn thiện hồ sơ, gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 5 Điều này tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đề án;

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi đề án được phê duyệt, đề án phải được triển khai và tổ chức thực hiện.

4. Hồ sơ đề nghị thẩm định đề án bao gồm: Văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị thẩm định đề án; dự thảo đề án; báo cáo thực trạng của di sản; biên bản họp xin ý kiến đồng thuận rộng rãi của chủ thể di sản trên địa bàn thực hiện đề án.

5. Hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án gồm: Tờ trình phê duyệt đề án, Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể

thao và Du lịch và dự thảo đề án sau khi tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức sơ kết, đánh giá lại sau 02 năm triển khai đề án, xem xét điều chỉnh (nếu cần) để bảo đảm việc triển khai phù hợp với thực tiễn; có Báo cáo kết quả thực hiện gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch muộn nhất 03 tháng sau khi sơ kết, tổng kết đề án.

Điều 12. Chương trình hành động quốc gia về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể sau khi được UNESCO ghi danh

1. Chương trình hành động quốc gia về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể sau khi được UNESCO ghi danh (sau đây gọi là Chương trình hành động quốc gia) là cam kết của quốc gia cho mỗi di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành và công bố tại Lễ đón bằng ghi danh di sản văn hóa phi vật thể vào các Danh sách của UNESCO.

2. Chương trình hành động quốc gia cam kết các nội dung sau đây:

a) Tiếp tục nhận diện giá trị, nghiên cứu, kiểm kê, tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể;

b) Tạo điều kiện cho việc thực hành, sáng tạo và truyền dạy di sản;

c) Tăng cường các hình thức, nội dung giáo dục phù hợp trong và ngoài trường học;

d) Tôn vinh các cá nhân, cộng đồng có nhiều đóng góp trong việc thực hành, truyền dạy, bảo vệ và phát huy giá trị di sản;

đ) Phối hợp với các cơ quan truyền thông, các hội nghề nghiệp tổ chức các chương trình giới thiệu, quảng bá về giá trị di sản.

3. Cộng đồng chủ thể di sản, chính quyền các cấp, tổ chức, cá nhân liên quan tới di sản được ghi danh chịu trách nhiệm thực hiện cam kết tại Chương trình hành động quốc gia theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cụ thể hóa Chương trình hành động quốc gia thành đề án, nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể sau khi được UNESCO ghi danh.

Điều 13. Báo cáo quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể

1. Báo cáo quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể là báo cáo của quốc gia thành viên của Công ước 2003 của UNESCO về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể nộp cho UNESCO theo quy định (sau đây gọi chung là Báo cáo định kỳ quốc gia), gồm các loại sau:

a) Báo cáo định kỳ quốc gia về việc thực hiện Công ước 2003 và về hoạt động bảo vệ các di sản trong Danh sách đại diện theo Mẫu số 02 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo định kỳ quốc gia về bảo vệ di sản trong Danh sách cần bảo vệ khẩn cấp theo Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Báo cáo khác theo yêu cầu của UNESCO.

2. Nguyên tắc và thời gian xây dựng Báo cáo quốc gia:

a) Bảo đảm nội dung theo quy định, hướng dẫn của UNESCO; bảo đảm tính chính xác và cập nhật số liệu tại thời điểm gửi báo cáo;

b) Chu kỳ thực hiện báo cáo:

Sau mỗi 06 năm kể từ lần báo cáo gần nhất đối với Báo cáo định kỳ quốc gia về việc thực hiện Công ước 2003 và về hoạt động bảo vệ các di sản trong Danh sách đại diện;

Sau mỗi 04 năm kể từ khi ghi danh đối với Báo cáo định kỳ quốc gia về bảo vệ di sản trong Danh sách cần bảo vệ khẩn cấp;

c) Nội dung báo cáo được xây dựng dựa trên kết quả triển khai hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; phản ánh đầy đủ, chính xác về di sản văn hóa phi vật thể.

3. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền xây dựng, gửi Báo cáo quốc gia:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có di sản tổ chức xây dựng và gửi báo cáo về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Cơ quan tham mưu, quản lý nhà nước về di sản văn hóa ở trung ương) trước ngày 30 tháng 9 của năm định kỳ báo cáo;

b) Bộ trưởng Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch tổ chức xây dựng, ký và gửi Báo cáo định kỳ quốc gia trên cơ sở ý kiến của Hội đồng khoa học về di sản văn hóa phi vật thể do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành lập theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa tới cơ quan có trách nhiệm của UNESCO trước ngày 15 tháng 12 của năm định kỳ. Báo cáo Thủ tướng Chính phủ và thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi UNESCO có thay đổi về việc dừng thực hiện báo cáo. Tổ chức xây dựng, nộp báo khác khi có yêu cầu của UNESCO.

Chương III
CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGHỆ NHÂN, CHỦ THỂ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ

Điều 14. Chính sách đối với câu lạc bộ, nhóm thực hành di sản văn hóa phi vật thể

1. Câu lạc bộ, nhóm thực hành di sản văn hóa phi vật thể được hỗ trợ cho việc thành lập, tổ chức hoạt động khi bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Có hồ sơ đề nghị thành lập của Ban chủ nhiệm được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) chấp thuận, phê duyệt, có Quy chế hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và thuần phong mỹ tục, địa điểm sinh hoạt ổn định, dự kiến hoạt động định kỳ, ban chủ nhiệm có ít nhất từ 05 hội viên tự nguyện tham gia;

b) Có chương trình, kế hoạch hoạt động cụ thể, thường xuyên ít nhất 01 kỳ sinh hoạt/01 tháng;

c) Có khả năng duy trì thực hành liên tục và tổ chức truyền dạy nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn.

2. Câu lạc bộ, nhóm thực hành di sản văn hóa phi vật thể được hỗ trợ kinh phí khi thành lập mới để mua sắm nhạc cụ, đạo cụ, công cụ, đồ vật, đồ tạo tác phục vụ thực hành, truyền dạy, sáng tạo, trình diễn di sản văn hóa phi vật thể và kinh phí hoạt động.

Điều 15. Chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể

1. Trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú.

2. Được nhà nước đóng Bảo hiểm y tế đối với nghệ Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú.

3. Hỗ trợ Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú tham gia các hoạt động lưu truyền, phổ biến di sản văn hóa phi vật thể và đào tạo, bồi dưỡng, truyền dạy những người kế cận.

4. Hỗ trợ nghệ nhân, người thực hành tham gia hướng dẫn, tập huấn, truyền dạy cho cộng đồng.

Điều 16. Chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể của đồng bào dân tộc thiểu số, nghệ nhân sinh sống ở miền núi, biên giới, hải đảo, nghệ nhân là người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo

1. Trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, đóng bảo hiểm y tế cho nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú là chủ thể di sản văn hóa phi vật thể của đồng bào dân tộc thiểu số, nghệ nhân sinh sống ở miền núi, biên giới, hải đảo, nghệ nhân là người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

2. Hỗ trợ kinh phí cho Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú là chủ thể di sản văn hóa phi vật thể của đồng bào dân tộc thiểu số tham gia các hoạt động lưu truyền, phổ biến di sản văn hóa phi vật thể và đào tạo, bồi dưỡng, truyền dạy những người kế cận.

3. Hỗ trợ kinh phí cho nghệ nhân, người thực hành có khả năng hướng dẫn, truyền dạy tham gia hướng dẫn, tập huấn, truyền dạy cho cộng đồng.

Điều 17. Trình tự, thủ tục hỗ trợ sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú

1. Hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng

a) Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định này gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 5 Điều này tới Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký thường trú;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cá nhân đề nghị nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với bản gốc các giấy tờ quy định tại Nghị định này; lập danh sách và hồ sơ của từng đối tượng đủ điều kiện hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng theo Mẫu số 06 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ra quyết định hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với đối tượng đủ điều kiện hưởng.

2. Điều chỉnh trợ cấp sinh hoạt hàng tháng

Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định phong tặng Danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân" có hiệu lực, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ra quyết định điều chỉnh trợ cấp sinh hoạt hàng tháng cho Nghệ nhân ưu tú đang được

hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng theo quy định. Trợ cấp sinh hoạt hàng tháng được tính từ thời điểm quyết định phong tặng danh hiệu có hiệu lực.

3. Tạm dừng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của cơ quan chức năng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký thường trú quyết định tạm dừng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với đối tượng thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định này.

4. Thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng

a) Người tự nguyện thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện Giấy đề nghị thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng theo Mẫu số 05 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này tới Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đang chi trả trợ cấp sinh hoạt hàng tháng.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng;

b) Khi người đang hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng thuộc một trong các trường hợp thôi không được hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đang chi trả trợ cấp sinh hoạt hàng tháng ra quyết định thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng.

5. Hồ sơ hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng gồm: Tờ khai của người đề nghị hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng theo Mẫu số 04 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 18. Cấp thẻ bảo hiểm y tế, tạm dừng đóng bảo hiểm y tế, thu hồi thẻ bảo hiểm y tế

1. Điều chỉnh mức hưởng trợ cấp bảo hiểm y tế trong trường hợp Nghệ nhân ưu tú được nhà nước phong tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đang hưởng trợ cấp đăng ký thường trú quyết định tạm dừng trợ cấp đóng bảo hiểm y tế đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định này.

3. Trình tự, thủ tục cấp thẻ bảo hiểm y tế, tạm dừng đóng bảo hiểm y tế, thu hồi thẻ bảo hiểm y tế của đối tượng quy định tại Nghị định này được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

4. Hồ sơ hưởng trợ cấp bảo hiểm y tế gồm: Tờ khai của người đề nghị hưởng trợ cấp bảo hiểm y tế theo Mẫu số 04 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 19. Điều chỉnh, tạm dừng, thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng; tạm dừng đóng, thu hồi thẻ bảo hiểm y tế

1. Điều chỉnh mức hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế được thực hiện trong trường hợp Nghệ nhân ưu tú được nhà nước phong tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân.

2. Tạm dừng hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng và nhà nước tạm dừng đóng bảo hiểm y tế đối với đối tượng quy định tại Nghị định này áp dụng trong các trường hợp sau:

a) Cá nhân chấp hành án phạt tù;

b) Cá nhân bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc cơ sở cai nghiện bắt buộc theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng và thu hồi thẻ bảo hiểm y tế đối với đối tượng quy định tại Nghị định này áp dụng trong các trường hợp sau:

a) Cá nhân có giấy đề nghị thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế Mẫu số 05 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Cá nhân không còn thuộc đối tượng quy định tại Nghị định này;

c) Bị hủy bỏ Quyết định phong tặng hoặc bị tước danh hiệu được Nhà nước tặng;

d) Cá nhân chết hoặc bị Tòa án tuyên bố mất tích;

đ) Cá nhân định cư ở nước ngoài.

4. Trình tự, thủ tục điều chỉnh, tạm dừng, thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng; tạm dừng đóng, thu hồi thẻ bảo hiểm y tế:

a) Đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày bản án có hiệu lực hoặc quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính được thi hành, cơ quan thi hành án hình sự, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc cơ quan quản lý liên quan có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cá nhân đang hưởng chính sách;

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan chức năng, thực hiện tạm dừng chi trả trợ cấp và thông báo cho cơ quan bảo hiểm xã hội để thực hiện tạm dừng đóng bảo hiểm y tế;

b) Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, cá nhân gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện Giấy đề nghị thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế tới Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cá nhân đang hưởng chính sách. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cá nhân đang hưởng chính sách thực hiện việc thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế;

c) Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cá nhân đang hưởng chính sách thực hiện việc thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế sau khi rà soát;

d) Đối với trường hợp quy định tại điểm c, điểm d và điểm đ khoản 3 Điều này, trong thời hạn 15 ngày làm việc sau khi nhận được thông báo hoặc quyết định của của cơ quan chức năng, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cá nhân đang hưởng chính sách thực hiện việc thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế.

5. Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát đối tượng hưởng, thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế để kịp thời cập nhật, thực hiện 06 tháng một lần.

Điều 20. Hỗ trợ chi phí mai táng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú

1. Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú khi chết thì cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp tổ chức mai táng được nhà nước hỗ trợ chi phí mai táng.

2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải quyết hỗ trợ chi phí mai táng khi chết đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết mai táng phí, tử tuất.

Chương IV
QUẢN LÝ, BẢO VỆ DI SẢN THẾ GIỚI

Điều 21. Chỉ số giám sát định kỳ tình trạng bảo tồn yếu tố gốc của di sản thế giới

1. Chỉ số giám sát định kỳ tình trạng bảo tồn yếu tố gốc của di sản thế giới sử dụng để đánh giá tình trạng bảo tồn di sản thế giới, phục vụ việc giám sát định kỳ tình trạng bảo tồn của di sản thế giới và xây dựng báo cáo tình trạng bảo tồn di sản thế giới, báo cáo định kỳ thực hiện Công ước 1972.

2. Chỉ số giám sát định kỳ tình trạng bảo tồn yếu tố gốc của di sản thế giới được xác định bởi các chỉ số sau:

a) Tính toàn vẹn và tính xác thực;

b) Tính bền vững của công trình kiến trúc và địa điểm khảo cổ;

c) Sự bảo tồn và phát triển của địa hình, địa mạo;

d) Sự tiến hóa và phát triển của các hệ sinh thái; sự bảo tồn đa dạng sinh học, đặc biệt là những loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;

đ) Chất lượng nguồn nước;

e) Tính bền vững của di sản văn hóa phi vật thể;

g) Các yếu tố gốc khác cấu thành giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới cần được giám sát theo quy định của UNESCO và pháp luật về di sản văn hóa.

Điều 22. Báo cáo định kỳ việc thực hiện Công ước 1972 và tình trạng bảo tồn di sản thế giới ở Việt Nam

1. Báo cáo định kỳ việc thực hiện Công ước 1972 và tình trạng bảo tồn di sản thế giới, gồm có:

a) Báo cáo định kỳ của quốc gia;

b) Báo cáo định kỳ của di sản thế giới ở Việt Nam.

2. Nguyên tắc và thời gian xây dựng Báo cáo định kỳ việc thực hiện Công ước 1972:

a) Báo cáo định kỳ của quốc gia và Báo cáo định kỳ của di sản thế giới ở Việt Nam được xây dựng mỗi 06 năm một lần;

b) Báo cáo định kỳ của di sản thế giới đa quốc gia được xây dựng trong phạm vi phân bố di sản trên lãnh thổ Việt Nam, trừ trường hợp có quy định khác của UNESCO;

c) Biểu mẫu Báo cáo định kỳ việc thực hiện Công ước 1972 thực hiện theo quy định của UNESCO;

d) Báo cáo định kỳ việc thực hiện Công ước 1972 được xây dựng phải bảo đảm nguyên tắc theo đúng quy định của UNESCO; bảo đảm tính chính xác và cập nhật số liệu tại thời điểm xây dựng báo cáo.

3. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xây dựng Báo cáo định kỳ của quốc gia quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao cơ quan tham mưu quản lý nhà nước về di sản văn hóa ở trung ương tổ chức xây dựng Báo cáo định kỳ của quốc gia;

b) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi trực tuyến Báo cáo định kỳ của quốc gia tới các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan đề nghị góp ý nội dung dự thảo Báo cáo;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có ý kiến góp ý bằng văn bản đối với nội dung dự thảo Báo cáo định kỳ của quốc gia; gửi trực tuyến tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản góp ý của các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoàn thiện Báo cáo định kỳ của quốc gia, gửi trực tuyến tới Trung tâm Di sản Thế giới theo quy định của UNESCO.

4. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xây dựng Báo cáo định kỳ của di sản thế giới ở Việt Nam quy định tại điểm b khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương giao người đứng đầu của tổ chức trực thuộc trực tiếp quản lý, sử dụng di sản thế giới chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương nơi có di sản thế giới để xây dựng Báo cáo định kỳ của di sản thế giới ở Việt Nam theo quy định của UNESCO về nội dung, biểu mẫu và thời điểm;

Trường hợp di sản thế giới phân bố trên địa bàn từ 02 tỉnh trở lên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì lập hồ sơ đề cử di sản thế giới theo điểm a khoản 5 Điều 25 Luật Di sản văn hóa có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các địa phương khác liên quan để xây dựng Báo cáo định kỳ của di sản thế giới ở Việt Nam;

Trường hợp di sản thế giới đa quốc gia, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao chủ trì lập hồ sơ đề cử di sản thế giới trên lãnh thổ Việt Nam theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 25 Luật Di sản văn hóa có trách nhiệm chủ trì xây dựng Báo cáo định kỳ của di sản thế giới ở Việt Nam theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương trực tiếp quản lý di sản thế giới gửi trực tuyến Báo cáo định kỳ của di sản thế giới ở Việt Nam tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để có ý kiến thống nhất;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Báo cáo định kỳ của di sản thế giới ở Việt Nam của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp, gửi trực tuyến tới các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan đề nghị có ý kiến góp ý đối với nội dung dự thảo Báo cáo;

d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có ý kiến góp ý bằng văn bản đối với nội dung dự thảo Báo cáo định kỳ của di sản thế giới ở Việt Nam; gửi trực tuyến tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản góp ý của các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi ý kiến góp ý đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương để hoàn thiện Báo cáo định kỳ của di sản thế giới ở Việt Nam thuộc thẩm quyền quản lý;

e) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương tiếp thu ý kiến góp ý, hoàn thiện Báo cáo định kỳ của di sản thế giới ở Việt Nam thuộc thẩm quyền quản lý; gửi trực tuyến tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

g) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi trực tuyến Báo cáo định kỳ của di sản thế giới ở Việt Nam đã được hoàn thiện tới Trung tâm Di sản Thế giới theo quy định của UNESCO.

Điều 23. Kế hoạch quản lý di sản thế giới và điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới

1. Nguyên tắc lập kế hoạch quản lý di sản thế giới:

a) Phù hợp với Công ước 1972 và Hướng dẫn thực hiện Công ước 1972;

b) Phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, chiến lược phát triển văn hóa, chiến lược bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học, chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia và chiến lược khác có liên quan;

c) Phù hợp với hồ sơ di sản thế giới đã được đệ trình và lưu giữ tại UNESCO và các quy hoạch có liên quan;

d) Bảo đảm việc gắn kết, lồng ghép giữa bảo vệ di sản thế giới với bảo vệ môi trường và các yêu cầu về phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo vệ di sản thế giới với phát triển bền vững;

đ) Bảo đảm công khai, minh bạch, có sự tham gia của cộng đồng, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình lập kế hoạch quản lý;

e) Bảo vệ chủ quyền quốc gia, bảo đảm quốc phòng, an ninh;

g) Phù hợp với nguồn lực thực hiện và bảo đảm tính khả thi.

2. Thời hạn của kế hoạch quản lý di sản thế giới là 10 năm, tầm nhìn 20 năm.

3. Nội dung của kế hoạch quản lý di sản thế giới:

a) Mô tả di sản thế giới, gồm: Điểm di tích, cụm di tích, cảnh quan thiên nhiên, địa chất, đa dạng sinh học và những yếu tố gốc cấu thành giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới; Đặc điểm, hiện trạng khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới; Cộng đồng sinh sống trong khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới; Giá trị về lịch sử, văn hóa, khoa học và thẩm mỹ của di sản thế giới; Tuyên bố giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới đã được Ủy ban Di sản thế giới công nhận;

b) Thực trạng bảo vệ và quản lý di sản thế giới;

c) Mục tiêu của kế hoạch quản lý di sản thế giới;

d) Quy định pháp lý trong nước và quốc tế có liên quan đến việc bảo vệ và quản lý di sản thế giới; cơ chế, chính sách áp dụng đối với việc bảo vệ và quản lý di sản thế giới;

đ) Giám sát định kỳ tình trạng bảo tồn của di sản thế giới: Chỉ số cần giám sát; chu kỳ và thời gian giám sát; tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm giám sát; những biện pháp bảo vệ cần thực hiện để ngăn chặn các nguy cơ tác động, ảnh hưởng tới di sản thế giới;

e) Xác định nguy cơ tác động tới di sản thế giới và đời sống cộng đồng để đề xuất xây dựng quy chế bảo vệ di sản thế giới theo quy định tại Điều 26 Nghị định này;

g) Quyền lợi và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân liên quan tới việc bảo vệ và quản lý di sản thế giới;

h) Phương án kiện toàn tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực của tổ chức được giao quản lý, sử dụng di sản thế giới;

i) Đề xuất nhiệm vụ bảo vệ và phát huy giá trị di sản thế giới và nguồn kinh phí thực hiện;

k) Kế hoạch quản lý di sản thế giới phải phân thành định kỳ 10 năm để đề xuất kế hoạch hành động thực hiện mục tiêu của kế hoạch quản lý, đồng thời đánh giá lại, xem xét điều chỉnh sau mỗi giai đoạn 10 năm, bảo đảm phù hợp với thực tiễn bảo vệ và quản lý di sản thế giới của từng thời điểm;

l) Đối với di sản thế giới đa quốc gia được UNESCO công nhận quy định tại điểm c khoản 3 Điều 24 Luật Di sản văn hóa: phạm vi xây dựng Kế hoạch quản lý được lập trong phạm vi phân bố của di sản thế giới trên lãnh thổ Việt Nam, trừ trường hợp có quy định khác của UNESCO.

4. Điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Theo yêu cầu của Ủy ban Di sản thế giới và Trung tâm Di sản thế giới;

b) Có sự điều chỉnh lớn về khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới;

c) Xuất hiện những yếu tố, nguy cơ có khả năng tác động và ảnh hưởng xấu tới sự bền vững của di sản thế giới.

Điều 24. Thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch quản lý di sản thế giới và điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới

1. Thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới hoặc di sản thế giới đa quốc gia có phạm vi phân bố trên lãnh thổ Việt Nam trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di sản thế giới hoặc di sản thế giới đa quốc gia có trách nhiệm tổ chức lập kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới; phê duyệt sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di sản thế giới hoặc di sản thế giới đa quốc gia và ý kiến bằng văn bản của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia.

2. Thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới hoặc di sản thế giới đa quốc gia có phạm vi phân bố

trên lãnh thổ Việt Nam trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên được thực hiện như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì lập hồ sơ đề cử di sản thế giới quy định tại điểm a khoản 5 Điều 25 Luật Di sản văn hóa có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các địa phương khác liên quan để lập kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới; phê duyệt sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quy định tại điểm a khoản này và ý kiến bằng văn bản của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia.

Điều 25. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thẩm định, phê duyệt kế hoạch quản lý di sản thế giới và điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới

1. Trình tự, thủ tục thẩm định kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới hoặc di sản thế giới đa quốc gia có phạm vi phân bố trên lãnh thổ Việt Nam:

a) Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh hoặc cơ quan được Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương giao lập kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương để xem xét, đề nghị Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh hoặc cơ quan được giao lập kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ; nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để thẩm định;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho Ủy

ban nhân dân cấp tỉnh hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ; nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan;

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương có trách nhiệm bổ sung, chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn nêu trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả lại hồ sơ;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản đề nghị, kèm theo 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này gửi các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan góp ý nội dung dự thảo kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới;

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và hồ sơ, các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có ý kiến góp ý bằng văn bản đối với nội dung dự thảo kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới;

d) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản góp ý của các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổ chức Hội đồng thẩm định kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới; gửi văn bản thẩm định đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao quản lý di sản thế giới;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương chỉ đạo cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh hoặc cơ quan được giao lập kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới tiếp thu ý kiến thẩm định.

2. Trình tự, thủ tục phê duyệt kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới:

a) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương, cơ quan chuyên môn về văn hoá cấp tỉnh hoặc cơ quan được giao lập kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua

đường bưu điện 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều này tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương để xem xét, phê duyệt;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương có trách nhiệm xem xét, phê duyệt kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới theo thẩm quyền; báo cáo về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Hồ sơ đề nghị thẩm định kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới, gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

Trường hợp di sản thế giới thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, phân bố trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên, phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan đối với kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới;

b) Dự thảo kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới;

c) Bảng tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng địa phương về nội dung kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới; bản chụp các ý kiến góp ý.

4. Hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới bao gồm:

a) Tờ trình của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh hoặc của cơ quan được Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương giao quản lý, sử dụng di sản thế giới đề nghị phê duyệt kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Dự thảo kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới được lập theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này đã được tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

c) Văn bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

d) Bảng tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng địa phương về nội dung kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới; bản chụp các ý kiến góp ý;

đ) Dự thảo Quyết định phê duyệt kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới và Quyết định phê duyệt được gửi và lưu giữ tại các cơ quan, tổ chức sau:

a) Trung tâm Di sản thế giới UNESCO;

b) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

c) Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam;

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc bộ, ngành được giao trực tiếp quản lý di sản thế giới;

đ) Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh nơi có di sản thế giới;

e) Tổ chức được giao quản lý, sử dụng di sản thế giới.

Điều 26. Quy chế bảo vệ di sản thế giới

1. Nguyên tắc xây dựng Quy chế bảo vệ di sản thế giới:

a) Được xây dựng trên cơ sở xác định những yếu tố, nguy cơ thường xuyên có khả năng ảnh hưởng xấu tới di sản thế giới để đưa ra các quy định cụ thể nhằm bảo vệ giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng;

b) Tuân thủ quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

c) Bảo đảm công khai, minh bạch, có sự tham gia, góp ý rộng rãi của cộng đồng, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình xây dựng;

d) Được sửa đổi, bổ sung kịp thời trong quá trình thực hiện để bảo đảm sự phù hợp, khả thi đối với hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản thế giới.

2. Nội dung quy chế bảo vệ di sản thế giới:

a) Quy định những vấn đề chung về bảo vệ khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới;

b) Quy định những vấn đề cụ thể về: bảo quản, tu bổ, phục hồi di sản thế giới; cơ chế hỗ trợ tu bổ, tôn tạo di tích; phối hợp cấp phép xây dựng và kiểm tra, xử lý vi phạm; phòng chống rủi ro, thiên tai; thảm họa thiên nhiên; cháy, nổ; tổ chức tham quan du lịch; phát triển du lịch bền vững và dịch vụ du lịch; hoạt động quảng cáo; những vấn đề quan trọng khác cần xây dựng thành quy định trong việc phối hợp, thực hiện bảo vệ di sản thế giới;

c) Các thủ tục cụ thể cần triển khai, thực hiện đối với những quy định tại điểm b khoản này;

d) Trách nhiệm phối hợp quản lý, bảo vệ di sản thế giới phân bố trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao trực tiếp quản lý di sản thế giới và các cơ quan, địa phương liên quan;

đ) Trách nhiệm phối hợp bảo vệ di sản thế giới giữa tổ chức được giao quản lý, sử dụng di sản thế giới với tổ chức liên quan ở địa phương và cộng đồng tại di sản thế giới;

e) Đối với di sản thế giới đa quốc gia được UNESCO công nhận quy định tại điểm c khoản 3 Điều 24 Luật Di sản văn hóa: phạm vi xây dựng quy chế bảo vệ di sản thế giới được lập trong phạm vi phân bố của di sản thế giới trên lãnh thổ Việt Nam, trừ trường hợp có quy định khác của UNESCO.

Điều 27. Thẩm quyền xây dựng và phê duyệt quy chế bảo vệ di sản thế giới

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di sản thế giới chịu trách nhiệm tổ chức xây dựng quy chế bảo vệ di sản thế giới và phê duyệt sau khi tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và bộ, ngành, tổ chức, cá nhân liên quan.

2. Trường hợp di sản thế giới thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhưng phân bố trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên, có phạm vi phân bố trên lãnh thổ Việt Nam hoặc di sản thế giới đa quốc gia quy định tại điểm c khoản 3 Điều 24 Luật Di sản văn hóa, thẩm quyền xây dựng và phê duyệt quy chế bảo vệ di sản thế giới được thực hiện như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có di sản thế giới thống nhất 01 địa phương chủ trì việc lập và trình quy chế bảo vệ di sản thế giới, đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch góp ý. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có di sản thế giới thống nhất phê duyệt quy chế bảo vệ di sản thế giới sau khi có ý kiến góp ý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tại điểm b khoản này;

b) Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch góp ý quy chế bảo vệ di sản thế giới theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao trực tiếp quản lý di sản thế giới sau khi có ý kiến bằng văn bản của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia.

Điều 28. Trình tự, thủ tục, hồ sơ lấy ý kiến và phê duyệt quy chế bảo vệ di sản thế giới

1. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến quy chế bảo vệ di sản thế giới:

a) Cơ quan chuyên môn về văn hoá cấp tỉnh hoặc cơ quan được Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương giao quản lý, sử dụng di sản thế giới gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương để đề nghị Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho ý kiến về quy chế bảo vệ di sản thế giới;

Trường hợp chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương có văn bản yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý, sử dụng di sản thế giới gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch góp ý;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, thông báo bằng văn bản tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo cần nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan;

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản đề nghị, kèm theo 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này, gửi các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan góp ý nội dung quy chế bảo vệ di sản thế giới;

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và hồ sơ, các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có ý kiến góp ý bằng văn bản đối với nội dung quy chế bảo vệ di sản thế giới;

d) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm góp ý quy chế bảo vệ di sản thế giới và gửi văn bản góp ý tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương giao quản lý, sử dụng di sản thế giới.

2. Trình tự, thủ tục phê duyệt quy chế bảo vệ di sản thế giới:

a) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh hoặc cơ quan được Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương giao quản lý, sử dụng di sản thế giới gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều này tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương để xem xét, phê duyệt;

b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương có trách nhiệm xem xét, phê duyệt quy chế bảo vệ di sản thế giới theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 27 hoặc điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị định này và báo cáo về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Hồ sơ đề nghị tham gia ý kiến quy chế bảo vệ di sản thế giới gồm:

a) Văn bản đề nghị góp ý theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này (trường hợp di sản thế giới thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, phân bố trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên thì trong văn bản cần nêu rõ sự thống nhất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan đối với quy chế bảo vệ di sản thế giới);

b) Dự thảo quy chế bảo vệ di sản thế giới;

c) Bảng tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng địa phương về nội dung quy chế bảo vệ di sản thế giới; bản chụp các ý kiến góp ý.

4. Hồ sơ đề nghị phê duyệt quy chế bảo vệ di sản thế giới gồm:

a) Tờ trình của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh hoặc của cơ quan được Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương giao quản lý, sử dụng di sản thế giới đề nghị phê duyệt quy chế theo Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Dự thảo quy chế bảo vệ di sản thế giới đã được tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

c) Bảng tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; bản chụp ý kiến của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia và ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng địa phương về nội dung quy chế bảo vệ di sản thế giới;

d) Dự thảo Quyết định phê duyệt quy chế bảo vệ di sản thế giới theo Mẫu số 06 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 29. Nhiệm vụ của tổ chức được giao quản lý, sử dụng di sản thế giới

1. Tổ chức được giao quản lý, sử dụng di sản thế giới thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 33 Luật Di sản văn hóa và các nhiệm vụ sau:

a) Thực hiện chế độ thông tin, xây dựng báo cáo định kỳ của di sản thế giới quy định tại Điều 22 Nghị định này, báo cáo thường niên về việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và quản lý di sản thế giới theo Mẫu số 07 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này và báo cáo đột xuất về việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và quản lý di sản thế giới tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc bộ, ngành được giao trực tiếp quản lý di sản thế giới và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Thực hiện quy chế phối hợp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản thế giới thuộc địa bàn quản lý trong trường hợp di sản thế giới có địa bàn phân bố từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác do cơ quan có thẩm quyền giao.

2. Tổ chức được giao quản lý, sử dụng di sản thế giới chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản thế giới.

Chương V
QUẢN LÝ, BẢO VỆ DI SẢN VĂN HÓA DƯỚI NƯỚC

Điều 30. Quản lý, bảo vệ di sản văn hóa dưới nước sau khi phát hiện

1. Tổ chức, cá nhân khi phát hiện được di sản văn hóa dưới nước có trách nhiệm giữ nguyên hiện trạng khu vực có di sản văn hóa dưới nước và kịp thời thông báo, giao nộp những hiện vật trục vớt, tìm kiếm được cho chính quyền địa phương, cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa hoặc cơ quan quản lý nhà nước về giao thông vận tải nơi gần nhất.

2. Khi cá nhân hoặc đại diện tổ chức đến thông báo về phát hiện di sản văn hóa dưới nước thì Cơ quan nhà nước phải kịp thời cử người tiếp và ghi nhận đầy đủ các thông tin, đồng thời báo cáo ngay Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để tổ chức việc bảo vệ di sản văn hóa dưới nước đó.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải kịp thời tổ chức bảo vệ di sản văn hóa dưới nước khi phát hiện như sau:

a) Tổ chức kiểm tra tính chính xác của các thông tin do tổ chức, cá nhân thông báo về địa điểm có di sản văn hóa dưới nước và các dấu hiệu có di sản văn hóa dưới nước;

b) Kịp thời lập kế hoạch triển khai bảo vệ khu vực có di sản văn hóa dưới nước; chỉ đạo và huy động lực lượng trên địa bàn tổ chức bảo vệ an toàn, an ninh trật tự khu vực có di sản văn hóa dưới nước được phát hiện; ngăn chặn và xử lý kịp thời mọi hoạt động đánh bắt thủy, hải sản, gây nổ làm nguy hại đến sự an toàn của di sản văn hóa dưới nước;

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông tin về việc phát hiện di sản văn hóa dưới nước phải báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định, giám định sơ bộ các hiện vật và khu vực phát hiện di sản văn hóa dưới nước để đánh giá về di sản văn hóa dưới nước vừa phát hiện và có biện pháp quản lý, bảo vệ thích hợp; nếu di sản văn hóa dưới nước được xác định có quy mô lớn, có ý nghĩa quan trọng về lịch sử, văn hóa, khoa học, có giá trị tiêu biểu cho một hoặc nhiều giai đoạn lịch sử, thì kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở ý kiến của Hội đồng thẩm định do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành lập;

d) Chỉ đạo Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh tổ chức tiếp nhận, bảo quản di sản văn hóa dưới nước được giao nộp; các lực lượng công an thu hồi di sản văn hóa dưới nước được tìm kiếm hoặc trục vớt trái phép; triển khai thực hiện kế hoạch về bảo vệ và quản lý di sản văn hóa dưới nước.

4. Trường hợp địa điểm phát hiện có di sản văn hóa dưới nước thuộc phạm vi quản lý từ hai tỉnh trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi phát hiện di sản văn hóa dưới nước phát hiện đầu tiên chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan để tổ chức bảo vệ di sản văn hóa dưới nước theo quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều này.

5. Trường hợp di sản văn hóa dưới nước được phát hiện nhưng chưa có đủ điều kiện khai quật, trục vớt hoặc đang chuẩn bị khai quật, trục vớt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo bảo vệ, bảo đảm an toàn khu vực có di sản văn hóa dưới nước theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này; kịp thời thông báo về khu vực và phạm vi cần bảo vệ; xử lý theo quy định của pháp luật đối với tổ chức, cá nhân vi phạm.

Điều 31. Dự án khai quật khảo cổ dưới nước

1. Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh phối hợp với cơ quan, tổ chức có chức năng thăm dò, khai quật khảo cổ lập dự án khai quật khảo cổ dưới nước theo quy định tại khoản 2 Điều này, quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công và quy định khác của pháp luật có liên quan để đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có địa điểm khai quật khảo cổ dưới nước phê duyệt.

2. Nội dung dự án khai quật khảo cổ dưới nước bao gồm nội dung quy định đối với dự án khai quật khảo cổ theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa và các nội dung sau:

a) Phương tiện, biện pháp khai quật khảo cổ dưới nước; biện pháp bảo đảm an toàn trong quá trình khai quật khảo cổ dưới nước;

b) Phương án phòng ngừa ô nhiễm môi trường, phòng, chống cháy, nổ;

c) Bảo hiểm đối với tổ chức, cá nhân tham gia khai quật khảo cổ dưới nước.

3. Đối với dự án khai quật khảo cổ dưới nước có quy mô lớn, có ý nghĩa quan trọng về lịch sử, văn hóa, khoa học, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 32. Thăm dò, khai quật khảo cổ dưới nước

1. Việc tiến hành thăm dò, khai quật khảo cổ dưới nước phải đáp ứng quy định khoản 2 Điều 39 Luật Di sản văn hóa, phải lập thành dự án khai quật khảo cổ dưới nước theo quy định tại Điều 31 Nghị định này.

2. Cơ quan, tổ chức của Việt Nam thực hiện thăm dò, khai quật khảo cổ dưới nước phải có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 6 Điều 39 Luật Di sản văn hóa và các điều kiện theo quy định của Chính phủ về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Trường hợp nhiều cơ quan, tổ chức Việt Nam có đủ điều kiện theo quy định muốn tham gia khai quật khảo cổ dưới nước thì phải tổ chức đấu thầu. Trình tự, thủ tục đấu thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Việc chỉ định thầu khai quật khảo cổ dưới nước thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

3. Trường hợp tổ chức nước ngoài hợp tác tham gia thăm dò, khai quật khảo cổ dưới nước ở Việt Nam phải có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Có sự chủ trì của cơ quan, tổ chức của Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều này đối với từng dự án cụ thể;

b) Được các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp phép tham gia hoạt động thăm dò, khai quật khảo cổ dưới nước tại Việt Nam.

4. Đối với dự án khai quật khảo cổ dưới nước quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản đề nghị cấp phép thăm dò, khai quật khảo cổ dưới nước, kèm theo dự án khai quật khảo cổ dưới nước đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

Điều 33. Bảo vệ di sản văn hóa dưới nước trong quá trình khai quật

1. Bảo đảm an toàn khu vực có di sản văn hóa dưới nước.

2. Bảo vệ an toàn các di sản văn hóa dưới nước tại hiện trường và quá trình vận chuyển về kho bảo quản; hiện trường khai quật; trang thiết bị và các công trình dưới nước.

3. Bảo đảm tuân thủ các quy trình về khảo cổ dưới nước; chống ô nhiễm môi trường nước; bảo vệ các tài nguyên sinh vật và các tài nguyên thiên nhiên khác.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chính quyền địa phương nơi có di sản văn hóa dưới nước, tổ chức, cá nhân tham gia thăm dò, khai quật khảo cổ dưới nước thực hiện bảo vệ di sản văn hóa dưới nước trong quá trình thăm dò, khai quật khảo cổ.

Điều 34. Xử lý kết quả sau thăm dò, khai quật khảo cổ dưới nước

1. Việc xử lý kết quả thăm dò, khai quật khảo cổ dưới nước phải được tiến hành ngay sau khi kết thúc thăm dò, khai quật.

2. Việc xử lý kết quả sau thăm dò, khai quật được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

a) Tất cả mọi di sản văn hóa dưới nước thu được trong quá trình thăm dò, khai quật đều phải được tiến hành xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Bảo đảm khách quan, chính xác, theo đúng trình tự, thủ tục quy định;

c) Phải được lập thành biên bản và báo cáo bằng văn bản đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền về văn hóa và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có liên quan.

3. Nội dung xử lý kết quả sau thăm dò, khai quật bao gồm:

a) Tiến hành kiểm kê, phân loại, đánh giá ban đầu các di sản văn hóa dưới nước, kể cả các di sản văn hóa thu nhận được trong quá trình phát hiện;

b) Tổ chức việc lưu giữ, bảo quản theo đúng quy trình, quy phạm đối với các di sản văn hóa dưới nước;

c) Lập phương án bảo vệ, đưa vào sử dụng và phát huy giá trị di sản văn hóa dưới nước sau khi thăm dò, khai quật theo quy định của pháp luật.

4. Báo cáo xử lý kết quả sau thăm dò, khai quật phải tuân thủ các nội dung về báo cáo sơ bộ và báo cáo khoa học khai quật khảo cổ theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

Báo cáo phải được gửi đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thăm dò, khai quật di sản văn hóa dưới nước. Trường hợp việc thăm dò, khai quật liên quan đến bộ, ngành nào thì báo cáo sẽ được gửi đến bộ, ngành đó.

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giải quyết theo thẩm quyền đối với các kiến nghị, đề xuất nêu trong báo cáo.

Điều 35. Thẩm định di sản văn hóa dưới nước sau thăm dò, khai quật

1. Di sản văn hóa dưới nước thu được sau thăm dò, khai quật phải được thẩm định về nguồn gốc, giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học và kinh tế.

2. Hội đồng thẩm định do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành lập theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 44 Luật Di sản văn hóa và mời thêm đại diện các cơ quan và các bên liên quan tham gia. Hội đồng thẩm định thực hiện như sau:

a) Tiến hành thẩm định, giám định, đánh giá về giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học và kinh tế của di sản văn hóa dưới nước;

b) Thống kê, phân loại di sản văn hóa dưới nước đã được thẩm định, giám định, đánh giá;

c) Kiến nghị các biện pháp bảo vệ cần thiết và việc xử lý đối với di sản văn hóa dưới nước.

3. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét quyết định biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa dưới nước trên căn cứ báo cáo của Hội đồng thẩm định.

Điều 36. Quản lý di sản văn hóa dưới nước sau thăm dò, khai quật

1. Việc giao quản lý và sử dụng hiện vật sau thăm dò, khai quật di sản văn hóa dưới nước chỉ được tiến hành sau khi các hiện vật đó được thẩm định, giám định theo quy định tại Điều 35 Nghị định này và quyết định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc xử lý di sản văn hóa dưới nước sau thăm dò, khai quật.

2. Việc giao quản lý và sử dụng hiện vật sau thăm dò, khai quật được tiến hành theo các nguyên tắc sau:

a) Hiện vật gốc độc bản do Nhà nước Việt Nam tiếp nhận, lưu giữ, quản lý và bảo quản;

b) Số hiện vật còn lại được giao quản lý và sử dụng theo tỷ lệ đã được xác định tại dự án khai quật khảo cổ dưới nước do cấp có thẩm quyền phê duyệt và phải được tiến hành công khai, công bằng, khách quan.

Điều 37. Tiếp nhận, lưu giữ và bảo quản di sản văn hóa dưới nước do Nhà nước quản lý sau thăm dò, khai quật khảo cổ dưới nước

1. Đối với việc tiếp nhận, lưu giữ và bảo quản di sản văn hóa dưới nước do nhà nước quản lý sau thăm dò, khai quật theo các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt: thực hiện theo khoản 4 Điều 45 Luật Di sản văn hóa và dự án khai quật khảo cổ được phê duyệt.

2. Đối với việc tiếp nhận, lưu giữ và bảo quản di sản văn hóa dưới nước do Nhà nước quản lý sau thăm dò, khai quật theo các dự án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: thực hiện theo quy định của Chính phủ về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

3. Trong thời hạn chậm nhất 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc quản lý di sản văn hóa dưới nước sau thăm dò, khai quật, cơ quan, tổ chức nơi đang lưu giữ và cơ quan, tổ chức được phép lưu giữ di sản văn hóa dưới nước có trách nhiệm bàn giao, tiếp nhận số di sản văn hóa dưới nước đó đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 38. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 17 tháng 9 năm 2025.

2. Các Kế hoạch, Chương trình hành động, Đề án quản lý, kế hoạch quản lý di sản thế giới, quy chế bảo vệ di sản thế giới đã được ban hành hoặc đang được xây dựng theo Nghị định số 109/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về bảo vệ và quản lý Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam và Nghị định số 39/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định

biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia thì tiếp tục được thực hiện theo kế hoạch, quyết định đã được phê duyệt.

3. Nghị định này thay thế Nghị định số 86/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ di sản văn hóa dưới nước; Nghị định số 109/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về việc hỗ trợ đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn; Nghị định số 109/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về bảo vệ và quản lý di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam; Nghị định số 39/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; các Nghị định nêu trên hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 39. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Mai Văn Chính

Phụ lục I

BIỂU MẪU TRONG QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ VÀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGHỆ NHÂN, CHỦ THỂ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ

(Kèm theo Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ)

Tên mẫu	Nội dung
Mẫu số 01	Đề án quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể
Mẫu số 02	Báo cáo định kỳ quốc gia về việc thực hiện Công ước 2003 và về hoạt động bảo vệ các di sản trong Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại
Mẫu số 03	Báo cáo định kỳ quốc gia về bảo vệ di sản trong Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp
Mẫu số 04	Tờ khai đề nghị hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế
Mẫu số 05	Giấy đề nghị thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế
Mẫu số 06	Danh sách đối tượng đủ điều kiện hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế

Mẫu số 01

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ
……[1]……..

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên (các) di sản văn hóa phi vật thể:

2. Tên (các) loại hình di sản văn hóa phi vật thể:

3. Địa điểm phân bố của di sản văn hóa phi vật thể[2]:

4. Năm di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh/ đưa vào Danh mục của quốc gia:[3]

5. Cơ quan trực tiếp quản lý đề án:….....

6. Thời gian thực hiện đề án:….....

II. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Sự cần thiết xây dựng đề án: *(vai trò, ý nghĩa của di sản đối với cộng đồng và quốc gia; khái quát những thách thức, nguy cơ trong quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể).*

2. Căn cứ pháp lý xây dựng đề án: *(Công ước 2003 về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO, Luật Di sản văn hóa và các quy định khác có liên quan).*

III. Mục tiêu của đề án

1. Mục tiêu tổng quát

2. Mục tiêu cụ thể

IV. Khái quát về di sản và hiện trạng thực hành, quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể

1. Mô tả về một hoặc nhiều di sản văn hóa phi vật thể thuộc phạm vi, đối tượng của đề án; cá nhân, cộng đồng chủ thể di sản; giá trị của di sản văn hóa phi vật thể.

---

[1] Tên Di sản văn hóa phi vật thể.

[2] Ghi tới cấp thôn/làng trong trường hợp di sản văn hóa phi vật thể phân bố trong phạm vi 01 xã; ghi tới cấp xã trong trường hợp di sản văn hóa phi vật thể phân bố ở từ 02 xã trở lên.

[3] Ghi rõ cho từng di sản, danh mục, danh sách.

2. Hiện trạng thực hành, quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể;

3. Các vấn đề, yếu tố, nguy cơ cụ thể tác động tới thực hành, quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

4. Phân tích, đánh giá tác động của đề án đến hiện trạng thực hành di sản văn hóa phi vật thể.

V. Đề xuất các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị

VI. Nội dung, nhiệm vụ chủ yếu, hoạt động triển khai cụ thể của đề án

VII. Lộ trình, thời gian triển khai

VIII. Kinh phí triển khai;

IX. Tên, nội dung các dự án thành phần (nếu có)

X. Trách nhiệm (của cơ quan, tổ chức, cá nhân) tổ chức thực hiện.

(Tên địa phương), ngày… tháng… năm…

CƠ QUAN CHỦ TRÌ

(*Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu*)

Mẫu số 02

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ... .....[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số…../……	*……, ngày… tháng… năm….*

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ QUỐC GIA
về việc thực hiện Công ước 2003 và về hoạt động bảo vệ các di sản trong Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại
Hạn nộp: 30/9/….[2]

1. Tên di sản:

2. Thời gian báo cáo (6 năm):

3. Tình trạng di sản được ghi danh trong thời gian báo cáo

a) Nêu sự thay đổi về chức năng xã hội và văn hóa của di sản so với thời điểm được ghi danh; ý nghĩa của di sản hiện nay đối với cộng đồng nói chung và với cộng đồng chủ thể di sản nói riêng

b) Nêu sự thay đổi so với khi được ghi danh, về các đặc điểm của người nắm giữ và thực hành di sản, trong đó, trình bày rõ vai trò cụ thể của những người có trách nhiệm đặc biệt với di sản so với những người khác trong cộng đồng chủ thể di sản.

c) Mô tả chi tiết, cụ thể về:

- Sức sống hiện nay của di sản so với thời gian trước, ví dụ: số lượng câu lạc bộ và người thực hành, người theo học;

- Tình trạng thực hành di sản (trong cộng đồng di sản, tham gia các liên hoan, hội thi…, tần suất thực hành, mức độ thực hành…);

- Tình trạng truyền dạy và thế hệ kế cận;

- Tình trạng sức sống của di sản trong đời sống đương đại;

- Các biện pháp bảo vệ, đề án, dự án bảo vệ, khôi phục các yếu tố truyền thống;

- Các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, đầu tư kinh phí bảo vệ và phát huy giá trị di sản từ địa phương;

---

[1] Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao.

[2] Năm phải nộp báo cáo.

- Xác định và mô tả các nguy cơ, nếu có, đến sự thực hành và truyền dạy cho thế hệ tiếp nối di sản.

d) Về thực hiện các biện pháp bảo vệ

- Mô tả các biện pháp đã thực hiện để quảng bá và củng cố di sản, đặc biệt trình bày chi tiết những biện pháp bảo vệ được thực hiện nhờ có sự ghi danh di sản vào Danh sách.

- Mô tả sự tham gia của các cộng đồng chủ thể, người thực hành, nghệ nhân cũng như các cơ quan liên quan và các tổ chức phi chính phủ trong việc bảo vệ di sản và mô tả những cam kết tiếp tục bảo vệ di sản của họ.

đ) Cung cấp thông tin về các cơ quan, tổ chức liên quan đến di sản

- (các) cơ quan có thẩm quyền đã tham gia vào việc quản lý và/hoặc bảo vệ di sản;

- (các) tổ chức của cộng đồng hoặc nhóm người liên quan đến di sản và bảo vệ di sản.

e) Miêu tả các biện pháp mà chính quyền địa phương có di sản đã thực hiện, để đảm bảo sự tham gia rộng rãi nhất của các cộng đồng chủ thể, người thực hành, nghệ nhân, các cơ quan liên quan cũng như các tổ chức phi chính phủ trong quá trình chuẩn bị Báo cáo này.

GIÁM ĐỐC
(*Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu*)

Mẫu số 03

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
…….[1]	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số…./……	*...., ngày... tháng... năm....*

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ QUỐC GIA
về bảo vệ di sản trong Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp
Hạn nộp: 30/9/….[2]

1. Tên di sản:

2. Thời gian báo cáo (4 năm/lần):

3. Tình trạng di sản được ghi danh trong thời gian báo cáo

a) Nêu sự thay đổi về chức năng xã hội và văn hóa của di sản so với thời điểm được ghi danh; ý nghĩa của di sản hiện nay đối với cộng đồng nói chung và với cộng đồng chủ thể di sản nói riêng

b) Nêu sự thay đổi so với khi được ghi danh, về các đặc điểm của người nắm giữ và thực hành di sản, trong đó, trình bày rõ vai trò cụ thể của những người có trách nhiệm đặc biệt với di sản so với những người khác trong cộng đồng chủ thể di sản.

c) Mô tả chi tiết, cụ thể về:

- Sức sống hiện nay của di sản so với thời gian trước, ví dụ: số lượng câu lạc bộ và người thực hành, người theo học;

- Tình trạng thực hành di sản (trong cộng đồng di sản, tham gia các liên hoan, hội thi…, tần suất thực hành, mức độ thực hành…);

- Tình trạng truyền dạy và thế hệ kế cận;

- Các biện pháp bảo vệ, đề án, dự án bảo vệ, khôi phục các yếu tố truyền thống;

- Các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, đầu tư kinh phí bảo vệ và phát huy giá trị di sản từ địa phương;

---

[1] Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao.

[2] Năm phải nộp báo cáo.

- Xác định và mô tả các nguy cơ, nếu có, đến sự thực hành và truyền dạy cho thế hệ tiếp nối di sản.

d) Về thực hiện các biện pháp bảo vệ trong thời gian của báo cáo (đã đưa ra trong kỳ báo cáo trước)

- Mục tiêu và kết quả:

+ Mục tiêu đưa ra trong kỳ báo cáo là gì (ví dụ: về chính sách, đầu tư kinh phí, tôn vinh nghệ nhân, tạo điều kiện thực hành, truyền dạy, tổ chức liên hoan, quảng bá di sản văn hóa phi vật thể,…)

+ Kết quả đạt được trong thời gian này là gì?

- Các hoạt động bảo vệ:

+ Từ mục tiêu đưa ra, mô tả những hoạt động được thực hiện trong thời gian của báo cáo để đạt được những kết quả mong đợi này.

+ Chỉ rõ tất cả những vấn đề phát sinh trong việc thực hiện các hoạt động bảo vệ di sản.

- Mô tả về sự tham gia của các cộng đồng, nhóm người hoặc cá nhân vào hoạt động bảo vệ (tên cơ quan, tổ chức, thông tin cơ bản…) như:

+ Cộng đồng chủ thể di sản (câu lạc bộ, nghệ nhân);

+ Chính quyền (các cơ quan quản lý, cơ quan chuyên môn);

+ Các nhà nghiên cứu, các tổ chức xã hội…

- Trình bày rõ tiến độ thực hiện đối với từng hoạt động cụ thể.

- Cho biết ngân sách chi cho từng hoạt động cụ thể và chỉ rõ từ nguồn nào (từ chính phủ, quỹ, từ cộng đồng, nguồn xã hội hóa…)

- Đánh giá toàn diện hiệu quả các hoạt động đã thực hiện để đạt được kết quả mong đợi và hiệu quả của việc sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động này. Nêu rõ các hạn chế trong quá trình thực hiện.

đ) Đề xuất các biện pháp bảo vệ trong giai đoạn tiếp theo

- Đề xuất kế hoạch bảo vệ di sản, cụ thể:

+ Mục tiêu và kết quả mong đợi;

+ Các hoạt động chính sẽ thực hiện để đạt được kết quả mong đợi;

+ Nhà nước hỗ trợ việc thực hiện kế hoạch này như thế nào?

- Nêu rõ thời gian biểu cho kế hoạch bảo vệ này trong khung thời gian 4 năm tiếp theo (thời gian của báo cáo định kỳ).

- Kinh phí cụ thể để thực hiện các hoạt động sắp tới (chỉ rõ nguồn kinh phí từ chính phủ, quỹ, từ cộng đồng, nguồn xã hội hóa…).

- Mô tả các cộng đồng, nhóm người và cá nhân cũng như các tổ chức phi chính phủ tham gia như thế nào trong việc đề xuất kế hoạch bảo vệ và thực hiện kế hoạch đó (bao gồm cả vai trò về giới).

- Cho biết (các) cơ quan có thẩm quyền trong việc quản lý và/hoặc bảo vệ di sản; (các) tổ chức của cộng đồng hoặc nhóm người quan tâm đến di sản và bảo vệ di sản.

e) Mô tả các biện pháp đã thực hiện để đảm bảo sự tham gia rộng rãi nhất của các cộng đồng, nhóm người hoặc cá nhân liên quan hay các tổ chức phi chính phủ có liên quan trong quá trình xây dựng báo cáo định kỳ này.

GIÁM ĐỐC
(*Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu*)

Mẫu số 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ
HƯỞNG TRỢ CẤP SINH HOẠT HÀNG THÁNG/ BẢO HIỂM Y TẾ
(Áp dụng cho đối tượng được phong tặng Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú)

1. Họ và tên *(viết chữ in hoa)*:.....

2. Mã định danh cá nhân/thẻ Căn cước công dân/Thẻ Căn cước: Số…….. ngày cấp …../…../….. nơi cấp.....

3. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
.....

4. Quyết định phong tặng số……./…… ngày…..... tháng…..... năm…….

5. Chế độ đang hưởng:

a) Có thẻ BHYT không? Không □ Có □

Nếu có: Mức đóng BHYT hiện được Nhà nước hỗ trợ: 100% □ 70% □

b) Lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng:…….....…….. đồng.

c) Trợ cấp xã hội hàng tháng:.....…… đồng.

d) Trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng:.....……đồng.

đ) Trợ cấp, phụ cấp hàng tháng khác:…….....…. đồng.

6. Chế độ đề nghị được hưởng theo quy định về chi cho chủ thể di sản văn hóa phi vật thể tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.

a) Trợ cấp sinh hoạt hàng tháng □ b) Bảo hiểm y tế □

7. Các giấy tờ có liên quan:

.....

Tôi xin cam đoan lời khai trên đây là đúng, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

….., ngày…. tháng…. năm.....

NGƯỜI KHAI[1]

(Ký, ghi rõ họ tên)

---

[1] Người khai ký và ghi rõ họ tên: Trường hợp người đề nghị hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế không thể viết tờ khai thì người khai hộ sau khi hoàn thành tờ khai đọc để người đề nghị hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế thông qua và điểm chỉ; ghi họ và tên của người đề nghị hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế.

Mẫu số 05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
THÔI HƯỞNG TRỢ CẤP SINH HOẠT HÀNG THÁNG/ BẢO HIỂM Y TẾ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu…....…..…..

1. Họ và tên (*viết chữ in hoa*):.....

2. Mã định danh cá nhân/thẻ Căn cước công dân/Thẻ Căn cước: Số..... ngày cấp…../ …../ ….. nơi cấp.....

3. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

4. Danh hiệu được phong tặng (*Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú*):.....
..... Năm được phong tặng.....

Hiện đang hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế theo Quyết định số…… ngày.... tháng.... năm….. của UBND…….....……..…

Nay, tôi tự nguyện thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế nêu trên.

Đề nghị Ủy ban nhân dân…….....……. giải quyết.

...., ngày… tháng… năm....
NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 06

UBND (cấp xã)**……..**

DANH SÁCH
ĐỐI TƯỢNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HƯỞNG TRỢ CẤP SINH HOẠT HÀNG THÁNG, BẢO HIỂM Y TẾ
(Kèm theo công văn số…../… ngày….. tháng….. năm 20….
của UBND xã/phường/đặc khu……..)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Danh hiệu phong tặng	Chế độ đang hưởng					Đề nghị hưởng		Ghi chú
		Nam	Nữ		Bảo hiểm y tế	Lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng	Trợ cấp Bảo trợ xã hội hàng tháng	Trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng	Trợ cấp, phụ cấp khác hàng tháng	Mức trợ cấp sinh hoạt hàng tháng (1000 đồng)	Bảo hiểm y tế	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

….., ngày… tháng….. năm…
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:
- Các cột: 4, 5, 6, 7, 8: đánh dấu X nếu có.
- Các cột: 9, 10: ghi cụ thể mức.

Phụ lục II

BIỂU MẪU TRONG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, HỒ SƠ GÓP Ý QUY CHẾ BẢO VỆ DI SẢN THẾ GIỚI VÀ BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CÁC DI SẢN THẾ GIỚI

(Kèm theo Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ)

Tên mẫu	Nội dung
Mẫu số 01	Văn bản đề nghị thẩm định Kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới
Mẫu số 02	Tờ trình đề nghị phê duyệt kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới
Mẫu số 03	Dự thảo Quyết định phê duyệt Kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới
Mẫu số 04	Văn bản đề nghị góp ý Quy chế bảo vệ di sản thế giới
Mẫu số 05	Tờ trình đề nghị phê duyệt quy chế bảo vệ di sản thế giới
Mẫu số 06	Dự thảo Quyết định phê duyệt Quy chế bảo vệ di sản thế giới
Mẫu số 07	Báo cáo thường niên về việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và quản lý di sản thế giới

Mẫu số 01

CƠ QUAN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…../….	*(Tên địa phương), ngày… tháng… năm…*

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể;

……[1]…… đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định Kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý Di sản thế giới (*tên của di sản thế giới thuộc tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương, thời kỳ của Kế hoạch quản lý*).

Trân trọng đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định *(gửi kèm theo dự thảo Kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới, các văn bản, tài liệu liên quan: ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng địa phương về nội dung kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý* di sản thế giới*)*.

Trân trọng.

Nơi nhận: - Như trên; - ……..; - Lưu: VT,…..	**CƠ QUAN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH [1]** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

[1] Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di sản thế giới.

Mẫu số 02

CƠ QUAN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:…../TTr…….	
	(Tên địa phương), ngày… tháng… năm…

TỜ TRÌNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch quản lý,
điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới
(Tên của di sản thế giới thuộc tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương, thời kỳ của Kế hoạch quản lý)

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương/ Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di sản thế giới

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể;

……[1]…… đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di sản thế giới) phê duyệt kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới (*tên của Di sản thế giới thuộc tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương, thời kỳ của Kế hoạch quản lý*).

Trân trọng.

(Gửi kèm theo dự thảo kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch di sản thế giới, các văn bản, tài liệu liên quan: ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; ý kiến góp ý của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, các cơ quan, tổ chức và cộng đồng địa phương về nội dung kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới).

Nơi nhận:	**CƠ QUAN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT[1]**
- Như trên;	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*
- ……..;	
- Lưu: VT,…..	

[1] Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh hoặc của cơ quan được Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương giao quản lý, sử dụng di sản thế giới.

Mẫu số 03

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:…../QĐ-…..	
	(Tên địa phương), ngày… tháng… năm…

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới
(*Tên của di sản thế giới thuộc tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương, thời kỳ của Kế hoạch quản lý*)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH/THÀNH PHỐ (HOẶC BỘ TRƯỞNG, NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU NGÀNH, CƠ QUAN, TỔ CHỨC Ở TRUNG ƯƠNG ĐƯỢC GIAO TRỰC TIẾP QUẢN LÝ DI SẢN THẾ GIỚI)

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể;

Căn cứ các quy định khác có liên quan (nếu có);

Theo đề nghị của cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh (hoặc cơ quan được Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương giao quản lý, sử dụng di sản thế giới) về việc đề nghị phê duyệt kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới)… tại Văn bản số…. ngày….. tháng….. năm….. (kèm hồ sơ);

Theo đề nghị của……..

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới (*tên của di sản thế giới thuộc tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương, thời kỳ của Kế hoạch quản lý*), (*có kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới kèm theo*).

---

[1] Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di sản thế giới.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc hoặc Thủ trưởng cơ quan được Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương giao quản lý, sử dụng di sản thế giới và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như trên;
- ……..;
- Lưu: VT,…..

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT [1]
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 04

CƠ QUAN ĐỀ NGHỊ GÓP Ý1[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:……../…….	
	(Tên địa phương), ngày… tháng… năm…

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể;

……[1]…… được giao trực tiếp quản lý di sản thế giới) đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến với Quy chế bảo vệ Di sản thế giới (*tên của di sản thế giới thuộc tỉnh/thành phố)*.

Trân trọng đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định *(gửi kèm theo dự thảo Quy chế bảo vệ di sản thế giới; các văn bản, tài liệu liên quan: ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng địa phương về nội dung quy chế bảo vệ di sản thế giới)*.

Trân trọng.

Nơi nhận:	**CƠ QUAN ĐỀ NGHỊ GÓP Ý [1]**
- Như trên;	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*
- ……..;	
- Lưu: VT,…..	

[1] Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di sản thế giới.

Mẫu số 05

CƠ QUAN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ……../TTr…….	
	(Tên địa phương), ngày… tháng… năm…

TỜ TRÌNH
Về việc phê duyệt Quy chế bảo vệ di sản thế giới
(*Tên của di sản thế giới thuộc tỉnh/thành phố*)

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương/ Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di sản thế giới

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể;

……[1]…… đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di sản thế giới) phê duyệt Quy chế bảo vệ di sản thế giới (*tên của Di sản thế giới thuộc tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương*).

Trân trọng.

(*Gửi kèm theo dự thảo Quy chế bảo vệ Di sản thế giới; các văn bản, tài liệu liên quan: ý kiến góp ý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; ý kiến góp ý của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, các cơ quan, tổ chức và cộng đồng địa phương về nội dung quy chế bảo vệ di sản thế giới*).

Nơi nhận:	**CƠ QUAN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT[1]**
- Như trên;	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*
- ……..;	
- Lưu: VT,…..	

[113] Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh hoặc của cơ quan được Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương giao quản lý, sử dụng di sản thế giới.

Mẫu số 06

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:…../QĐ-…..	

(Tên địa phương), ngày… tháng… năm…

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế bảo vệ di sản thế giới
(*Tên của di sản thế giới thuộc tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương*)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH/THÀNH PHỐ (HOẶC BỘ TRƯỞNG, NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU NGÀNH, CƠ QUAN, TỔ CHỨC Ở TRUNG ƯƠNG ĐƯỢC GIAO TRỰC TIẾP QUẢN LÝ DI SẢN THẾ GIỚI)

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể;

Căn cứ các quy định khác có liên quan (nếu có);

Theo đề nghị của…. (tên cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di sản thế giới, đề nghị phê duyệt Quy chế bảo vệ di sản thế giới)… tại Văn bản số…….ngày….. tháng….. năm….. (kèm hồ sơ);

Theo đề nghị của……

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế bảo vệ di sản thế giới (*tên của di sản thế giới thuộc tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày….. tháng….. năm 20….

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thủ trưởng tổ chức trực thuộc Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di sản thế giới và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:	**CƠ QUAN PHÊ DUYỆT [1]**
- Như trên;	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*
- ……..;	
- Lưu: VT,…..	

[1] Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Bộ trưởng, người đứng đầu ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương được giao trực tiếp quản lý di sản thế giới.

Mẫu số 07

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TỔ CHỨC ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ, SỬ DỤNG DI SẢN THẾ GIỚI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…./BC-……	*(Tên địa phương), ngày… tháng… năm…*

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 20….
VỀ VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BẢO VỆ VÀ QUẢN LÝ DI SẢN THẾ GIỚI
(Tên di sản thế giới thuộc tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương……
/Bộ, ngành được giao trực tiếp quản lý di sản thế giới (nếu có)

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan…….....…

Tổ chức được giao quản lý, sử dụng di sản thế giới (Ban/Trung tâm quản lý Di sản Thế giới) báo cáo thường niên năm 20…. (trước ngày 01 tháng 12 hằng năm) về việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và quản lý di sản thế giới *tên của di sản thế giới thuộc tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương*) với các nội dung chính sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Công tác tham mưu xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật (quy chế, quy định.....)

Kết quả tham mưu cho cấp có thẩm quyền ở địa phương ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ di sản thế giới.

2. Về tổ chức bộ máy và nguồn lực

- Nêu những thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, bộ máy (nếu có):….....…….

- Đánh giá về chất lượng và cơ cấu nguồn nhân lực trực tiếp bảo vệ, quản lý di sản thế giới:….....……

3. Hoạt động nghiên cứu khoa học

- Tóm tắt về nội dung và kết quả thực hiện từng chương trình, dự án hoạt động nghiên cứu khoa học đã triển khai thực hiện:….....……

4. Về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản thế giới

a) Hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị di sản thế giới theo Quy hoạch, Kế hoạch quản lý di sản thế giới đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

b) Hoạt động trưng bày, triển lãm, trình diễn di sản văn hóa phi vật thể, các lễ hội, sự kiện, bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu được tổ chức tại di sản thế giới:….....……..

c) Công tác hướng dẫn thuyết minh tại di sản thế giới:…...……

d) Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản thế giới:…...……

đ) Các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản thế giới theo nhiệm vụ của các tổ chức được giao quản lý, sử dụng di sản thế giới quy định tại Điều 29 Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ.

5. Về hợp tác quốc tế

Nêu tóm tắt nội dung và kết quả của từng chương trình, dự án hợp tác quốc tế đã triển khai trong thời kỳ báo cáo:….....……

6. Về việc kiểm tra, giám sát di sản thế giới

a) Kiểm tra, giám sát của UNESCO (nếu có):….....……

b) Kiểm tra, giám sát của các cơ quan trung ương có liên quan (nếu có):…...…

c) Kiểm tra, giám sát ở địa phương:….....……

d) Tự kiểm tra, giám sát của tổ chức được giao quản lý, sử dụng di sản thế giới: Căn cứ quy định tại Điều 21 Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về chỉ số giám sát định kỳ tình trạng bảo tồn yếu tố gốc của di sản thế giới, các Ban/Trung tâm Di sản thế giới đánh giá, cung cấp thông tin về các chỉ số chính sử dụng giám sát tại di sản thế giới.

II. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN THẾ GIỚI THEO MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Quản lý phát triển du lịch gắn với bảo vệ các giá trị di sản thế giới (Effective Governance and visitor management protecting world heritage values).

a) Số lượng khách theo từng tháng……/Quý…. /năm 20….

b) Đánh giá sức tải cho từng điểm tham quan chính trong khu vực di sản thế giới và vùng đệm.

c) Đề xuất giải pháp quản lý, điều tiết khách tham quan cho từng điểm tham quan chính trong khu vực di sản thế giới và vùng đệm.

2. Thống kê đóng góp của di sản thế giới với phát triển văn hóa, xã hội bền vững (Contribution to social and cultural sustainability - inclusive social development)

a) Đóng góp của di sản thế giới với phát triển văn hóa bền vững ở địa phương (bảo tồn di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể; đáp ứng nhu cầu về văn hóa ngày càng cao của nhân dân, góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và đóng góp vào kho tàng di sản văn hóa thế giới).

b) Đóng góp của di sản thế giới với phát triển xã hội bền vững ở địa phương; giải quyết tốt và hài hòa giữa nhu cầu bảo tồn di sản với nguyện vọng của cộng đồng địa phương và của các tổ chức, cá nhân có liên quan.

c)….....……

3. Thống kê đóng góp của di sản thế giới với phát triển kinh tế bền vững ở địa phương (Contribution to economic sustainability)

a) Đóng góp thông qua hoạt động du lịch (số lượng khách tham quan trong nước và quốc tế).

b) Đóng góp thông qua hoạt động dịch vụ phục vụ khách tham quan, nghiên cứu ở trong và xung quanh các di sản thế giới.

c) Đóng góp về việc tạo công ăn, việc làm, cải thiện sinh kế bền vững của cộng đồng địa phương.

d)….....……

4. Vai trò của di sản thế giới với bảo vệ môi trường (Contribution to environmental sustainability)

a) Bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường - sinh thái của di sản thế giới theo hướng bền vững;

b) Bảo đảm môi trường khí hậu ổn định, chất lượng nguồn nước, bảo tồn đa dạng sinh học.

c)….....……

5. Vai trò của di sản thế giới đối với việc tăng cường hòa bình và an ninh, bao gồm thúc đẩy quan hệ đối tác và bảo tồn, vấn đề liên quan đến bình đẳng giới, việc giảm thiểu bất bình đẳng (nếu có)….....……

6. Đề xuất kế hoạch triển khai năm 20…..... tiếp theo:……

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN TIẾP THEO

1…….....……...

2…….....……..

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT (nếu có)

1…….....……...

2…….....……

Tổ chức được giao quản lý, sử dụng Di sản Thế giới (Ban/Trung tâm quản lý Di sản Thế giới) báo cáo thường niên năm 20… về việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và quản lý Di sản Thế giới (*tên di sản thế giới thuộc tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương*) và đề nghị (Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương……..... /Bộ, ngành liên quan) xem xét, chỉ đạo.

(Kèm theo Phụ lục: Số liệu thống kê hằng năm của Di sản Thế giới).

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (*để báo cáo*);
- Sở VHTTDL/Sở VHTT;
- ……..
- Lưu: VT,...

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ và đóng dấu)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TỔ CHỨC ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ, SỬ DỤNG DI SẢN THẾ GIỚI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục
SỐ LIỆU THỐNG KÊ HẰNG NĂM CỦA DI SẢN THẾ GIỚI
***(Tên di sản thế giới thuộc tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương)* (20….)**
(Kèm theo Báo cáo số……./BC-….. ngày…. tháng…. năm 20….của…….)

TT	Nội dung	Số liệu	Ghi chú
1	**Tổng số viên chức, người lao động**		
a	Trình độ chuyên môn (học hàm; học vị)		
b	Trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh/ngôn ngữ khác)		
2	**Số lượng khách tham quan di sản thế giới**		
a	Khách trong nước		
b	Khách quốc tế		
3	**Nguồn thu hoạt động sự nghiệp**		
a	*Kinh phí thu từ bán vé*		
b	*Kinh phí thu từ hoạt động dịch vụ*		
4	**Số lượng các cuộc kiểm tra, giám sát**		
5	**Số vụ vi phạm được phát hiện**		
6	**Số lượng đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học**		
7	**Số lượng các cuộc trưng bày, triển lãm**		